

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2024

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Bà Võ Thị Vân Khánh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Quốc Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 148/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn Tân Thạnh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* ông Dương Văn N, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An

(*Bị đơn vắng mặt mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ kiện như sau:

Bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Dương Văn N được sự đồng ý của gia đình hai bên nên tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T vào ngày 25/7/2016. Thời gian đầu bà P và ông N có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, nhưng sau đó cả hai phát sinh mâu thuẫn do giữa bà P và ông N bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lớn tiếng cho nên bà P quyết định sống ly thân với ông N từ năm 2020. Trong suốt thời gian sống ly thân bà P và ông N có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, hai ông bà không thể hàn gắn được, hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P mong muốn được ly hôn với ông N

Về con chung: bà P và ông N trong quá trình sinh sống có 01 (một) con chung là cháu Dương Nguyễn D, sinh ngày: 25/7/2013. Trong thời gian bà P và ông N sống ly thân, con chung do ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà P đề nghị Tòa án giao cháu D cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng. Bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Dương Văn N: ông N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Dương Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ điều kiện xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Dương Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Long An, vào sổ đăng ký kết hôn số 29/2016 ngày 25/7/2016 nên quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Dương Văn N là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bà P trình bày thời gian đầu bà P và ông N có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, nhưng sau đó cả hai phát sinh mâu thuẫn do giữa bà P và ông N bất đồng quan điểm sống, vợ chồng bà P thường xuyên cãi vã lớn tiếng cho nên bà P quyết định sống ly thân với ông N từ năm 2020. Trong suốt thời gian sống ly thân bà P và ông N có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Hiện nay bà phượng xác định giữa bà P và ông N không thể hàn gắn được, hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông N.

Ông Dương Văn N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đã vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đến lần thứ hai và không có văn bản trình bày ý kiến của bà về yêu cầu xin ly hôn của bà P.

Hội đồng xét xử xét thấy bà P và ông N đã mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Hiện nay bà P vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với ông N. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà P và ông N đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Trong thời gian chung sống với nhau, bà P và ông N có 01 (một) con chung là cháu Dương Nguyễn Duy sinh ngày 25/7/2013. Khi ly hôn, bà P yêu cầu giao giao cháu D cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng. Bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Cháu Dương Nguyễn D hiện nay đã trên 07 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, cháu có văn bản nêu nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy trong thời gian qua, con chung do ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo các mặt đời sống cho con và vẫn đảm bảo quyền lợi cho con. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà P về việc đồng ý cho ông Dương Văn N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Dương Nguyễn Duy đủ 18 tuổi. Bà P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp

có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: bà P và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ, bà phượng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án của Tòa án nên phải chịu phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P: bà Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với ông Dương Văn N.

2. Về con chung:

Giao ông Dương Văn N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Dương Nguyễn D, sinh ngày 25/7/2024.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng P về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Dương Nguyễn D, sinh ngày 25/7/2024 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Hồng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Dương Văn N, người thân thích của cháu Dương Nguyễn D hoặc Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Án phí khi ly hôn: bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Bà Huỳnh Thị P1 đã nộp theo biên lai thu số 0003046 ngày 17/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thành án phí.

3.2. Án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh